

Phụ lục II
DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TRỪ THƯƠNG HIỆU CỦA ĐƠN VỊ SỰ
NGHIỆP CÔNG LẬP)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND
ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	Danh mục	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)
I	Quyền tác giả		
1	Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác	25	4
2	Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác	25	4
3	Tác phẩm báo chí	25	4
4	Tác phẩm âm nhạc	25	4
5	Tác phẩm sân khấu, tác phẩm điện ảnh	25	4
6	Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng	25	4
7	Tác phẩm nhiếp ảnh	25	4
8	Tác phẩm kiến trúc	25	4
9	Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ	25	4
10	Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian	25	4
11	Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu	25	4
12	Tác phẩm phái sinh	25	4
13	Quyền tác giả khác	25	4
II	Quyền liên quan đến quyền tác giả		
1	Cuộc biểu diễn	25	4
2	Bản ghi âm, ghi hình	25	4
3	Chương trình phát sóng	25	4
4	Tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá	25	4
5	Quyền liên quan đến quyền tác giả khác	25	4

STT	Danh mục	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)
III	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Sáng chế	20	5
2	Kiểu dáng công nghiệp	10	10
3	Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	10	10
4	Bí mật kinh doanh	10	10
5	Nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý	20	5
6	Quyền sở hữu công nghiệp khác	10	10
IV	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Giống cây thân gỗ	25	4
2	Giống cây trồng khác	20	5
V	Phần mềm ứng dụng		
1	Cơ sở dữ liệu	5	20
2	Phần mềm kế toán	5	20
3	Phần mềm tin học văn phòng	5	20
4	Phần mềm quản lý tài sản	5	20
5	Phần mềm quản lý ngân sách	5	20
6	Phần mềm quản lý bệnh viện	5	20
7	Phần mềm quản lý cán bộ công chức	5	20
8	Phần mềm quản lý thu phí, lệ phí	5	20
9	Phần mềm quản lý số hóa hồ sơ	5	20
10	Phần mềm dạy học	5	20
11	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
VI	Tài sản cố định vô hình khác (trừ quyền sử dụng đất)	5	20